

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH GIA  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 14-8-2024  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nông Thị Ái Vân.
- Bà Hoàng Thị Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Hà Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị N, sinh năm 1998.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lâm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị N và anh Vi Văn T được tự do tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương năm 2017; đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 19 tháng 9 năm 2017. Quá trình chung sống với nhau ban đầu hạnh phúc. Đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không cùng quan điểm về cách dạy con, sinh hoạt hàng ngày. Hai bên gia đình đã can thiệp, hòa giải, hàn gắn cho hai vợ chồng. Khoảng tháng 4/2022, chị Lâm Thị N phát hiện anh Vi Văn T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và chị Lâm Thị N bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân từ đó tới nay. Vì mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được, chị Lâm Thị N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Vi Nhất T1, sinh ngày 13/5/2017 và Vi Tiểu M, sinh ngày 13/6/2020. Khi ly hôn, chị Lâm Thị N yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Tiểu M, anh Vi Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Nhất T1. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngày 12/8/2024, chị Lâm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Về phía bị đơn, anh Vi Văn T trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi Văn T kết hôn với chị Lâm Thị N vào năm 2017, trước khi kết hôn được tổ chức theo phong tục tập quán tại địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn cuộc sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, chửi nhau. Cuối năm 2022 chị Lâm Thị N bỏ về nhà ngoại sinh sống và sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Lâm Thị N yêu cầu ly hôn, anh Vi Văn T đồng ý.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Vi Nhất T1, sinh ngày 13/5/2017 và Vi Tiểu M, sinh ngày 13/6/2020. Khi ly hôn, anh Vi Văn T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Nhất T1, chị Lâm Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Tiểu M. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh Vi Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Vi Văn T không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng và nguyên đơn chị Lâm Thị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận

đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Lâm Thị N đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Lâm Thị N. Về con chung: Có hai người con chung tên là Vi Nhất T1, sinh ngày 13/5/2017 và Vi Tiểu M, sinh ngày 13/6/2020. Khi ly hôn, chị Lâm Thị N được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Tiểu M, anh Vi Văn T được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Nhất T1. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lâm Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vi Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn N, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Lâm Thị N và anh Vi Văn T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B nên quan hệ hôn nhân giữa chị Lâm Thị N và anh Vi Văn T là hợp pháp. Các đương sự trình bày quá trình chung sống hay phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm và đều đồng ý ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lâm Thị N và anh Vi Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa vắng mặt

các đương sự nên Hội đồng xét xử xử cho chị Lâm Thị N được ly hôn với anh Vi Văn T2 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có hai người con chung tên là Vi Nhất T1, sinh ngày 13/5/2017 và Vi Tiểu M, sinh ngày 13/6/2020. Hai bên đương sự đều có ý kiến trình bày khi ly hôn, chị Lâm Thị N được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Tiểu M, anh Vi Văn T được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vi Nhất T1. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Lâm Thị N và anh Vi Văn T trình bày là không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lâm Thị N là dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xét cho chị Lâm Thị N được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lâm Thị N được ly hôn với anh Vi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Vi Tiểu M, sinh ngày 13/6/2020 cho chị Lâm Thị N được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu Vi Nhất T1, sinh ngày 13/5/2017 cho anh Vi Văn T được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lâm Thị N được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lâm Thị N, bị đơn anh Vi Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Yên Lỗ, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Dương Thị Hiệt**